

Bộ kết nối điện-khí
VABA-S6-1-X2-F1-CB
Số bộ phận: 8068240

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Kết nối các đầu cuối van	Loại 44, VTSA-F-CB
Chẩn đoán	Đứt dây mỗi cuộn van Ngắn mạch van Điện áp thấp van
Số lượng tối đa vị trí van	12 cho van ổn định kép 24 cho van đơn ổn định
Màn hình LED	1 chẩn đoán chung
Tham số hóa	Failsafe trên mỗi kênh Lực mỗi kênh Chế độ chạy rà mỗi kênh Theo dõi mô-đun
Cầu chì (Ngắn mạch)	cầu chì điện tử bên trong mỗi đầu ra van
Dải điện áp hoạt động DC	21.6 V...26.4 V
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức	Thể loại. 25 mA cho van không có CPX-FVDA-P2 Thông thường 45 mA cho thiết bị điện không có CPX-FVDA-P2 Loại 90 mA cho van có CPX-FVDA-P2 110 mA thông thường cho hệ thống điện với CPX-FVDA-P2
Nguồn cấp điện tối đa cho mỗi kênh	0,2 A
Tổng dòng điện tối đa trên mỗi mô-đun	4.5 A
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Kênh cách ly điện - Bus nội bộ	Có, khi sử dụng nguồn cung cấp bổ sung cho các van
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...60 °C
Mức độ bảo vệ	IP65
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
trọng lượng sản phẩm	734 g

Đặc tính	Giá trị
Bộ điều khiển điện	Fieldbus
Cổng nối điện	thông qua CPX
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu tấm kết nối	Nhôm đúc áp lực
Vật liệu phủ	PA
Vật liệu của phốt	NBR
Vật liệu vít	Thép